

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	CỬ NHÂN QUAN HỆ CÔNG CHÚNG (BACHELOR OF PUBLIC RELATIONS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7320108
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT / VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO (DURATION)	4 NĂM (4 YEARS)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quan hệ Công chúng (PR) có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Quan hệ Công chúng; có khả năng làm việc độc lập, thích ứng với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Quan hệ Công chúng, có năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: có kiến thức phân tích, dự báo, đánh giá, lập kế hoạch và thực thi công việc thuộc chức năng Quan hệ Công chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0.

Về kỹ năng: có khả năng giao tiếp tốt. Có thể đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh. Có kỹ năng làm việc nhóm. Sử dụng máy tính thành thạo để thực hiện các nhiệm vụ văn phòng và chuyên môn về Quan hệ Công chúng.

Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm với các công việc đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ những quy định, quy tắc và định hướng chung.

Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Ngành Quan hệ Công chúng có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với những chức danh như: chuyên gia về quan hệ với các hệ thống truyền thông; cán bộ hoạch định chiến lược quan hệ công chúng; chuyên gia truyền thông nội bộ và đối ngoại, chuyên gia về thông tin công cộng; chuyên viên gây quỹ và phát triển cộng đồng; có thể trở thành giám đốc truyền thông quan hệ công chúng, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo về kinh tế-xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh.

Nếu Cử nhân Ngành Quan hệ Công chúng tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học thì có thể trở thành giảng viên ở các cơ sở đào tạo về Marketing/Quan hệ công chúng, cán bộ nghiên cứu bậc cao về kinh tế - xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh.

Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Có hiểu biết về các chức năng cơ bản của một tổ chức (marketing, kế toán, tài chính, nhân sự...) và nguyên lý hoạt động của cơ quan/doanh nghiệp/tổ chức; hiểu được yêu cầu phối hợp giữa chức năng quan hệ công chúng với các bộ phận khác để đạt được mục tiêu của tổ chức/doanh nghiệp; có khả năng tích hợp kiến thức nền tảng để phát hiện vấn đề quan hệ công chúng trong cơ quan/doanh nghiệp/tổ chức. Có kiến thức căn bản về marketing, quản trị marketing, nghiên cứu marketing, marketing xã hội và các khía cạnh khác thuộc chức năng marketing trong cơ quan/doanh nghiệp/tổ chức.	CDR 1
	Có khả năng thể hiện hiểu biết về lịch sử văn minh thế giới, văn hóa Việt Nam, môi trường kinh doanh và môi trường quan hệ công chúng/marketing trong nước, quốc tế; phân tích được ảnh hưởng của đa văn hóa, toàn cầu hóa tới hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp/tổ chức và đề xuất được giải pháp phát triển trong môi trường toàn cầu; nhận thức được ảnh hưởng của CMCN4.0 tới hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp nói chung và quan hệ công chúng nói riêng, từ đó, vận dụng được công cụ digital marketing nhằm thích ứng với CMCN4.0. Phân tích được nền tảng cơ bản về thị trường mục tiêu và các đặc trưng khác của ngành kinh doanh. Hiểu được ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến hoạt động quan hệ công chúng và hoạt động marketing ở thị trường địa phương/vùng lãnh thổ.	CDR 2

CDR	Mô tả	Mã CDR
	Nắm vững các nguyên tắc và quy trình xây dựng chiến lược, kế hoạch quan hệ công chúng; có khả năng vận dụng vào các lĩnh vực hoặc tổ chức/doanh nghiệp đặc thù; có khả năng ứng dụng kiến thức quan hệ công chúng vào phân tích tình huống quan hệ công chúng, đề xuất giải pháp sáng tạo nắm bắt kịp với những tình huống ngoài dự tính thuộc lĩnh vực cụ thể của quan hệ công chúng: tâm lý và hành vi công chúng, hành vi khách hàng, tổ chức sự kiện, kỹ năng viết, quản trị khủng hoảng, quản trị hoạt động tài trợ, mỹ học; chiến lược sáng tạo thông điệp, kế hoạch hóa phương tiện truyền thông, truyền thông, báo chí, xúc tiến; quản trị thương hiệu và các khía cạnh khác thuộc chức năng quan hệ công chúng tại cơ quan/doanh nghiệp/tổ chức.	CDR 3
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Có khả năng vận dụng kỹ thuật công nghệ cần thiết, logic; kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng một số mô hình cơ bản để phân tích, diễn giải, khai thác dữ liệu môi trường bên trong và bên ngoài tổ chức/doanh nghiệp, hành vi công chúng/tổ chức, về kết quả hoạt động quan hệ công chúng của tổ chức/doanh nghiệp bằng kiến thức chuyên môn khoa học; từ đó đưa ra định hướng, giải pháp nhằm cải thiện kết quả hoạt động quan hệ công chúng của tổ chức/doanh nghiệp.	CDR 4
	Có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng để phân tích hiện tượng, phát hiện vấn đề hay cơ hội thuộc về quan hệ công chúng; xác định nguyên nhân của vấn đề trong một tổ chức/doanh nghiệp cụ thể; có khả năng ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề quan hệ công chúng trong những tình huống cụ thể, đưa ra giải pháp xử lý khủng hoảng xảy ra với tổ chức/doanh nghiệp.	CDR 5
	Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo, diễn thuyết và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các mảng hoạt động quan hệ công chúng; có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học ở bậc cao hơn.	CDR 6
CDR Tin học	Đạt chuẩn đầu ra Tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Có kỹ năng khai thác internet để tìm kiếm, thu thập, phân loại và phân tích thông tin phục vụ công việc.	CDR 7

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
CĐR Ngoại ngữ	Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Có thể sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong giao tiếp bằng văn bản và giao dịch với đối tác.	CĐR 8
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Hiểu được thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin ứng dụng trong học tập, nghiên cứu, học tập các môn học khác và tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của thế giới ngày nay; có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; có khả năng lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng đó dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	CĐR 9
	Có đủ sức khỏe để thực hành công việc; có hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, yêu cầu tuân thủ pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong công việc; tuân thủ các quy định của đơn vị, tổ chức; thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0; có đạo đức, trách nhiệm với công việc.	CĐR 10

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ

Các học phần của Trường	12	Học phần chung của Trường
Các học phần của ngành	12	Học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	Học phần chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	42	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	29	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	129	Không kể GDQP-AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quan hệ công chúng)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Tổng số tín chỉ			129		
	1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			44		
	1.1 Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	III	
5	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	II	
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quan hệ công chúng)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2 Các học phần của Trường			12		
6	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
7	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	I	
8	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
9	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	1.3 Các học phần của ngành			12		
10	1	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	II	KHMI1101
11	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	KHMI1101 KHMA1101
12	3	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	TKKD1129	3	III	
13	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	II	KHMI1101
	2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			85		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			15		
14	1	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	DLLH1131	3	V	
15	2	Quản trị Marketing Marketing management	MKMA1110	3	III	MKMA1104
16	3	Quan hệ công chúng Public Relation	MKTT1109	3	III	
17	4	Đại cương văn hóa Việt Nam Foundation of Vietnamese	NNTV1111	3	II	
18	5	Truyền thông Marketing tích hợp Integrated Maketing Communications	MKTT1102	3	IV	
	2.2. Kiến thức ngành			42		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			27		
19	1	Nghiên cứu Marketing Marketing Research	MKMA1109	3	III	MKMA1104
20	2	Hành vi người tiêu dùng Consumer Behavior	MKMA1101	3	IV	MKMA1104
21	3	Kế hoạch hoá quan hệ công chúng PR Planning	MKTT1130	3	V	MKTT1109
22	4	Quản trị quảng cáo Advertising Management	MKTT1112	3	V	MKMA1104
23	5	Kỹ năng viết trong Quan hệ công chúng Writing Skills for Public Relations	MKTT1132	3	VII	MKTT1109

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quan hệ công chúng)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
24	6	Quản trị khủng hoảng Crisis Management	MKTT1140	3	VI	MKTT1109
25	7	Quản trị thương hiệu Brand Management	MKTT1114	3	IV	MKMA1104
26	8	Tổ chức sự kiện Event Planning	MKTT1155	3	V	MKTT1109
27	9	Đề án ngành Quan hệ Công chúng Essay on Public Relations Major	MKTT1149	3	VI	MKTT1109
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15		
28	1	Xúc tiến bán Sales Promotion	MKTT1145	3	VI	MKMA1104
	2	Marketing xã hội Social Marketing	MKMA1159	3	VI	MKMA1104
29	3	Marketing dịch vụ công Public service Marketing	MKMA1157	3	VII	MKMA1104
	4	Marketing địa phương Place Marketing	MKMA1166	3	VII	MKMA1104
30	5	Marketing công nghệ số Digital Marketing	MKBH1116	3	VI	MKMA1104
	6	Quản trị quan hệ khách hàng Customer Relationship Management	MKBH1109	3	VI	MKMA1104
31	7	Marketing dịch vụ Service Marketing	MKMA1107	3	V	MKMA1104
	9	Định giá thương hiệu Trade Mark Valuation	MKDG1115	3	V	MKMA1104
32	9	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	IV	
	10	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	IV	
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)				18		
33	1	Báo chí hiện đại Modern Journalism	MKTT1147	3	VI	
34	2	Kế hoạch hóa phương tiện truyền thông Advertising Media Planning	MKTT1158	3	V	MKTT1102
35	3	Quản trị doanh nghiệp truyền thông Agency Management	MKTT1110	3	IV	
	4	Mỹ học đại cương Principles of Aesthetic	MKTT1152	3	IV	
36	5	Tiếng Anh ngành Quan hệ công chúng English for PR Major	MKTT1143	3	VII	MKTT1109
	6	Diễn thuyết trước công chúng Public Speaking	MKTT1150	3	VII	MKTT1109
37	7	Chiến lược sáng tạo trong truyền thông Creative Strategy in Communication	MKTT1148	3	6	MKTT1102
	8	Luật và đạo đức truyền thông Legal and Ethics Foundation of Communications	MKTT1133	3	VI	MKTT1102

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quan hệ công chúng)		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
38	9	Quản trị tài trợ Sponsorship Management	MKTT1154	3	VII	MKTT1109
	10	Tâm lý học đại cương Principles of Psychology	NLXH1105	3	VII	
39	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		MKTT1159	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ			129		

8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/ Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Vũ Huy Thông

PGS.TS. Phạm Hồng Chương